

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14-3-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Công Tài

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tuyên và bà Hồ Thị Thu Uyển

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lâm Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Song.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn A, xã Nam B, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Vũ Văn H, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn A, xã Nam B, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông – vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị T với anh Vũ Văn H kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, có đi đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã Bom B, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước ngày 23-01-20A. Trong thời gian sống chung chị T và anh Vũ Văn H sống với nhau không hạnh phúc, vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, nhiều lần xung đột, anh H chửi bới chị T nhiều lần, vợ chồng không còn tôn trọng nhau, chị T và anh Vũ Văn H đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị T cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không thể kéo dài được nữa, do đó chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Vũ Văn H.

Về con chung: Chị T và anh H có 03 con chung là Vũ Khánh H, sinh ngày 28-10-20A; Vũ Khánh Vân A, sinh ngày 16-01-2009 và Vũ Trần Đông Q, sinh ngày 16-

8-2017. Chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Vũ Văn H là bị đơn trong vụ án, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thì được biết là anh H có đăng ký hộ khẩu và đang sinh sống tại thôn A, xã Nam B, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông, Tòa án đã thông báo cho anh H biết việc thụ lý vụ án và triệu tập đến Tòa án để làm việc nhưng anh H không hợp tác để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xác minh, lập văn bản và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án đối với anh H theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và việc giải quyết vụ án:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T ly hôn với anh Vũ Văn H.

Về con chung: Giao 03 con chung là Vũ Khánh H, sinh ngày 28-10-20A; Vũ Khánh Vân A, sinh ngày 16-01-2009 và Vũ Trần Đông Q, sinh ngày 16-8-2017 cho chị Trần Thị T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi);

Về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn chị Trần Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Vũ Văn H. Vì vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Vũ Văn H có địa chỉ tại thôn A, xã Nam B, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song,

tỉnh Đắk Nông theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về việc chấp hành pháp luật của bị đơn: Chị Trần Thị T là nguyên đơn trong vụ án, vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Vũ Văn H là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thì được biết là anh Vũ Văn H có đăng ký hộ khẩu tại thôn A, xã Nam B, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông, Tòa án đã triệu tập anh Vũ Văn H và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng anh Vũ Văn H vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định. Việc đương sự không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 của BLTTDS.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Vũ Văn H kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã Bom B, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước ngày 23-01-20A là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc thời gian dài, đến năm 2020 vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, nhiều lần xung đột khiến hai vợ chồng không còn chung sống cùng nhau. Điều này chứng tỏ mục đích hôn nhân giữa chị T và anh H đã không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Do đó, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp theo khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3.2]. Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Vũ Văn H có 03 con chung là Vũ Khánh H, sinh ngày 28-10-20A; Vũ Khánh Vân A, sinh ngày 16-01-2009 và Vũ Trần Đông Q, sinh ngày 16-8-2017. Hiện nay các con chung đang ở với mẹ là chị Trần Thị T. Để đảm bảo quyền lợi cho các con chung được phát triển ổn định, đầy đủ và theo yêu cầu của chị T và nguyện vọng của các con. Do đó, để đảm bảo cuộc sống và sự phát triển về mọi mặt đối với con chưa thành niên, Hội đồng xét xử cần giao con chung là Vũ Khánh H, sinh ngày 28-10-20A; Vũ Khánh Vân A, sinh ngày 16-01-2009 và Vũ Trần Đông Q, sinh ngày 16-8-2017 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song là phù hợp nên chấp nhận.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị T

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T ly hôn với anh Vũ Văn H

1.2. Về con chung: Giao con chung là Vũ Khánh H, sinh ngày 28-10-20A; Vũ Khánh Vân A, sinh ngày 16-01-2009 và Vũ Trần Đông Q, sinh ngày 16-8-2017 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004349 ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk S;
- UBND xã Bom B, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đoàn Công Tài